



HAGL Agrico

**Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý I năm 2017

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 42

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.346.767.392	6.643.444.600
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37.665.218	308.340.423
111	1. Tiền		37.665.218	293.340.423
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	15.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.665.008.123	4.648.948.580
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.826.108.368	1.680.875.463
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.787.262.087	1.732.975.730
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.1	260.166.826	399.490.706
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7.2	796.650.842	840.786.681
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.180.000)	(5.180.000)
140	III. Hàng tồn kho	8	1.256.159.851	1.671.761.591
141	1. Hàng tồn kho		1.288.847.956	1.704.449.696
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.688.105)	(32.688.105)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.387.934.200	14.394.006
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.826.062	2.967.605
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.433.447	6.115.529
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.389.661	5.310.872
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.372.285.030	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

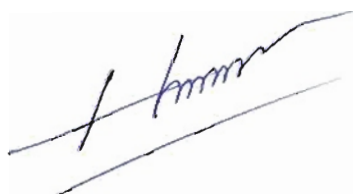
Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.871.651.583	28.824.808.449
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.682.883.250	2.525.035.814
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10.1	2.178.918.382	1.897.793.366
216	2. Phải thu dài hạn khác	10.2	503.964.868	627.242.448
220	II. Tài sản cố định		5.242.044.467	7.072.654.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.207.143.382	7.036.174.317
222	Nguyên giá		6.028.622.734	8.209.060.771
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(821.479.352)	(1.172.886.454)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	34.901.085	36.479.936
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.944.175)	(18.365.324)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.712.844.099	13.359.625.077
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.712.844.099	13.359.625.077
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		896.161.285	896.161.285
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	896.161.285	896.161.285
260	V. Tài sản dài hạn khác		483.685.830	1.065.156.622
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	444.921.568	1.026.392.360
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	38.764.262	38.764.262
269	VI. Lợi thế thương mại	17	3.854.032.652	3.906.175.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.218.418.975	35.468.253.049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.759.809.886	24.984.262.903
310	I. Nợ ngắn hạn		5.435.473.524	6.124.980.643
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	608.147.124	644.831.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	250.853.481	180.807.868
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	129.182.172	120.251.709
314	4. Phải trả người lao động		45.472.607	52.564.498
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	168.193.297	144.091.844
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.101.752	9.101.752
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.341.856.626	2.834.677.638
320	8. Vay ngắn hạn	23	1.882.666.465	2.138.653.364
330	II. Nợ dài hạn		18.324.336.362	18.859.282.260
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		19.671.337	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	1.245.047.525	1.309.428.416
338	3. Vay dài hạn	23	16.767.106.119	17.257.342.463
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		21.285.888	21.285.888
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		271.225.493	271.225.493
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	10.458.609.089	10.483.990.146
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.458.609.089	10.483.990.146
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	25.1	7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		525.045.924	546.519.640
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.148.870.812	1.141.711.973
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.141.711.973	2.126.574.755
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.158.839	(984.862.782)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		48.702.593	59.768.773
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.218.418.975	35.468.253.049



Nguyễn Thị Hải Yên
Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

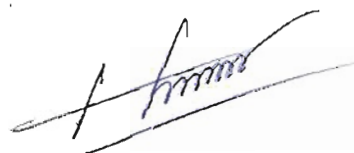
Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	470.258.079	1.281.867.804	470.258.079	1.281.867.804
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	470.258.079	1.281.867.804	470.258.079	1.281.867.804
11	4. Giá vốn hàng bán	27	(387.022.292)	(1.047.702.612)	(387.022.292)	(1.047.702.612)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.235.787	234.165.192	83.235.787	234.165.192
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	160.467.073	59.120.543	160.467.073	59.120.543
22	7. Chi phí tài chính	28	(184.166.593)	(154.314.530)	(184.166.593)	(154.314.530)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(181.240.729)	(102.195.569)	(181.240.729)	(102.195.569)
25	9. Chi phí bán hàng		(15.809.027)	(18.323.787)	(15.809.027)	(18.323.787)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(72.149.363)	(33.507.970)	(72.149.363)	(33.507.970)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.422.123)	87.139.448	(28.422.123)	87.139.448
31	12. Thu nhập khác	29	45.476.398	29.419.286	45.476.398	29.419.286
32	13. Chi phí khác	29	(6.961.194)	(8.287.594)	(6.961.194)	(8.287.594)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	38.515.204	21.131.692	38.515.204	21.131.692

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

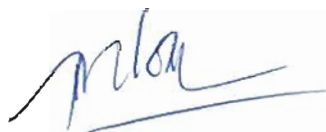
Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.093.081	108.271.140	10.093.081	108.271.140
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(16.311)	(839.554)	(16.311)	(839.554)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.2	-	(12.255.785)	-	(12.255.785)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.076.770	95.175.801	10.076.770	95.175.801
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		7.158.839	93.663.127	7.158.839	93.663.127
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.917.931	1.512.674	2.917.931	1.512.674
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	25.4	9	132	9	132
71	22. Lãi suy giảm cổ phiếu (VNĐ)		8	110	8	110



Nguyễn Thị Hải Yến
 Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan
 Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2017

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		10.093.081	108.271.140
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11,12,17	160.713.838	126.067.991
03	Các khoản dự phòng		-	(442.393)
04	Lỗ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(16.903.610)	328.995
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(178.079.843)	(62.213.252)
06	Chi phí lãi vay	28	181.240.729	102.195.569
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		157.064.195	274.208.050
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		(655.352.697)	(34.981.065)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		(16.433.119)	(248.876.838)
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(116.178.803)	323.449.241
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		634.622.937	(53.774.274)
14	Tiền lãi vay đã trả		(175.316.956)	(34.990.486)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(16.311)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.220)	(265.314)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(171.622.974)	224.769.314
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(242.774.153)	(919.339.439)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.056.965	326.618.421
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(216.193.648)	(1.699.056)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		290.824.135	(32.301)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.294.285.975)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		78.460.278	19.398.030
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(81.626.423)	(1.869.340.320)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2017

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.652.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay, mượn		629.222.621	701.715.890
34	3. Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(646.648.429)	(494.967.028)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.425.808)	1.858.748.862
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(270.675.205)	214.177.856
60	Tiền đầu kỳ	5	308.340.423	331.961.020
70	Tiền cuối kỳ	5	37.665.218	546.138.876



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2017

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, và mười lăm (15) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015 theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 70,45% vào ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2017 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý I năm 2017.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)***Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể được thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê, thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00	Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngày trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3.11 Các khoản đầu tư***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Nhóm Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)***Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC và thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng tỷ theo giá mua và bán vào bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.15 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.17 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	31.773.908	288.844.262
Tiền mặt tại quỹ	5.891.310	4.496.161
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000
TỔNG CỘNG	37.665.218	308.340.423

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	958.262.806	861.756.586
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	734.096.304	727.713.177
Phải thu từ chuyển nhượng dự án	132.658.764	90.147.433
Phải thu tiền bán căn hộ	1.090.494	1.258.267
TỔNG CỘNG	1.826.108.368	1.680.875.463

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 600.651.548 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng của Nhóm Công ty và mua máy móc, thiết bị	175.235.516	193.133.363
Trả trước nhà thầu phụ cho dự án sân bay ở Lào	3.202.871	3.320.951
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.608.823.700	1.536.521.416
TỔNG CỘNG	1.787.262.087	1.732.975.730

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, trả trước cho người bán ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản trả trước các bên liên quan với số tiền là 1.619.321.559 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

7. PHẢI THU CHO VAY VÀ NGẮN HẠN KHÁC

7.1 Phải thu cho vay ngắn hạn

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho vay nhân viên ngắn hạn	38.304.000	-
Cho vay công ty khác ngắn hạn	221.862.826	399.490.706
TỔNG CỘNG	260.166.826	399.490.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

7. PHẢI THU CHO VAY VÀ NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

7.1 Phải thu cho vay ngắn hạn (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải thu cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu cho vay bên liên quan với số tiền là 168.975.014 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

7.2 Phải thu ngắn hạn khác

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu tạm ứng nhân viên	38.297.767	42.086.601
Phải thu Công ty khác	675.189.826	782.987.163
Các khoản khác	83.163.249	15.712.917
TỔNG CỘNG	796.650.842	840.786.681

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 712.676.775 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí xây căn hộ để bán	-	85.207.487
Thành phẩm	81.912.811	24.107.256
Hàng hóa	58.439.329	9.272.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	971.998.921	1.389.742.505
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò thịt</i>	195.817.943	437.115.594
<i>Hoạt động sản xuất</i>	188.053.365	381.503.164
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	582.825.480	571.123.747
<i>Chi phí cỏ và trái cây</i>	5.302.133	-
Nguyên vật liệu	171.795.813	186.905.652
Công cụ, dụng cụ	4.701.082	9.214.595
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(32.688.105)
TỔNG CỘNG	1.256.159.851	1.671.761.591

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là tài sản ròng của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu đang tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho bên thứ ba.

10. PHẢI THU CHO VAY VÀ DÀI HẠN KHÁC

10.1 Phải thu cho vay dài hạn

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho vay Công ty khác dài hạn	1.806.907.425	1.897.793.366
Cho vay nhân viên dài hạn	372.010.957	-
TỔNG CỘNG	2.178.918.382	1.897.793.366

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, các khoản phải thu cho vay dài hạn bao gồm các khoản phải thu cho vay bên liên quan với số tiền là 1.723.691.667 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

10. PHẢI THU CHO VAY VÀ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

10.2 Phải thu dài hạn khác

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho mượn và lãi phải thu cho vay	490.486.728	611.686.465
Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.046.610	14.973.481
Phải thu dài hạn khác	3.431.530	582.502
TỔNG CỘNG	503.964.868	627.242.448

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản phải thu tiền mượn, tiền lãi cho vay bên liên quan với số tiền là 488.408.887 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngân VNĐ						
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	1.990.813.261	1.928.513.389	1.876.786.546	1.313.571	2.392.058.180	19.575.824	8.209.060.771
Tăng trong kỳ	27.131.653	6.475.506	35.881.107	(1.596)	225.547.765	44.526.469	339.560.904
<i>Mua mới</i>	18.648.077	1.928.697	37.741.444	-	55.891.893	-	114.210.111
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	11.086.750	5.115.766	977.511	-	176.281.713	44.557.925	238.019.665
<i>Tăng từ mua Công ty con</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(2.603.174)	(568.957)	(2.837.848)	(1.596)	(6.625.841)	(31.456)	(12.668.872)
Giảm trong kỳ	(882.682.341)	(1.069.101.002)	(390.981.454)	(210.462)	(170.860.161)	(6.163.521)	(2.519.998.941)
<i>Thanh lý</i>	-	-	(2.514.576)	-	(121.508.336)	-	(124.022.912)
<i>Chuyển sang tài sản chờ bán</i>	(882.682.341)	(1.069.101.002)	(387.994.878)	(210.462)	-	(6.163.521)	(2.346.152.204)
<i>Chuyển đến/ chuyển đi</i>	-	-	(472.000)	-	(49.351.825)	-	(49.823.825)
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	1.135.262.573	865.887.893	1.521.686.199	1.101.513	2.446.745.784	57.938.772	6.028.622.734
Khấu hao lũy kế							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	(286.030.393)	(372.985.916)	(279.845.307)	(1.073.800)	(224.263.490)	(8.687.548)	(1.172.886.454)
Tăng trong kỳ	(24.863.633)	(18.246.755)	(26.657.079)	(17.739)	(36.930.256)	(276.779)	(106.992.241)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(24.863.633)	(18.246.755)	(26.657.079)	(17.739)	(36.930.256)	(276.779)	(106.992.241)
Giảm trong kỳ	115.825.400	239.280.983	69.924.491	168.793	31.817.425	1.382.251	458.399.343
<i>Thanh lý</i>	-	-	986.282	-	25.588.100	-	26.574.382
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	435.532	187.891	522.474	1.547	(2.803.366)	13.577	(1.642.345)
<i>Chuyển sang tài sản chờ bán</i>	115.410.374	239.119.217	69.565.250	167.246	-	1.368.674	425.630.761
<i>Chuyển đến/ chuyển đi</i>	(20.506)	(26.125)	(1.149.515)	-	9.032.691	-	7.836.545
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	(195.068.626)	(151.951.688)	(236.577.895)	(922.746)	(229.376.321)	(7.582.076)	(821.479.352)
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	1.704.782.868	1.555.527.473	1.596.941.239	239.771	2.167.794.690	10.888.276	7.036.174.317
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	940.193.947	713.936.205	1.285.108.304	178.767	2.217.369.463	50.356.696	5.207.143.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>6.648.075</u>	<u>48.197.185</u>	<u>54.845.260</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	(581.707)	(17.783.617)	(18.365.324)
Tăng trong kỳ	(83.101)	(1.495.750)	(1.578.851)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(83.101)	(1.495.750)	(1.578.851)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(664.808)</u>	<u>(19.279.367)</u>	<u>(19.944.175)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	<u>6.066.368</u>	<u>30.413.568</u>	<u>36.479.936</u>
Số dư ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>5.983.267</u>	<u>28.917.818</u>	<u>34.901.085</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu	12.030.183.332	11.830.017.268
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	781.496.047	621.401.558
Nhà xưởng và vật kiến trúc	646.294.771	697.055.515
Chi phí vườn tiêu	25.045.303	118.707.592
Chi phí dự án bò	88.739.617	6.637.816
Các công trình khác	141.085.029	85.805.328
TỔNG CỘNG	<u>13.712.844.099</u>	<u>13.359.625.077</u>

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 120.805.979 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán ngày 31 tháng 03 năm 2016: 144.961.266 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, cọ dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Đầu tư vào các Công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("TNHH HA Quang Minh")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	99,45
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	100,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	100,00
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/01/2011	99,99
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	97,77
(12) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	99,99
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	30/04/2015	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	99,90
(16) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	70,00
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	15/10/2015	70,00
(18) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	14/10/2015	99,90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các Công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
(19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(20) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(21) Công ty TNHH Eastern Rubber	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(22) Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(23) Công ty TNHH Suvann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	03/03/2016	100,00
(24) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/12/2016	99,91

15.2 Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	287.143.307	49,14	287.143.307
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Chăn nuôi bò	23,46	609.017.978	23,46	609.017.978
TỔNG CỘNG			896.161.285		896.161.285

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí phát triển vườn mía	-	619.284.626
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	42.902.669	186.650.602
Chi phí trồng cỏ	210.087.762	109.720.596
Tiền thuê đất	69.626.941	64.100.399
Công cụ, dụng cụ	14.598.303	19.653.096
Chi phí thuê văn phòng	-	5.510.308
Chi phí trả trước dài hạn khác	107.705.893	21.472.733
TỔNG CỘNG	444.921.568	1.026.392.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Giá trị</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017	4.085.709.858
Phát sinh từ mua trong năm	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>4.085.709.858</u>
Phân bổ lũy kế	
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017	(179.534.460)
Phân bổ trong năm	<u>(52.142.746)</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>(231.677.206)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017	<u>3.906.175.398</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>3.854.032.652</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả người bán mua máy móc, thiết bị	14.169.483	12.654.466
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	567.397.972	610.608.725
Phải trả nhà thầu xây dựng	26.367.657	4.368.714
Phải trả khác	<u>212.012</u>	<u>17.200.065</u>
TỔNG CỘNG	<u>608.147.124</u>	<u>644.831.970</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải trả người bán ngắn hạn bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan với số tiền là 446.949.297 ngàn VND (Thuyết minh số 31).

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Khách hàng thương mại trả tiền trước	244.935.324	176.352.033
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	<u>5.918.157</u>	<u>4.455.835</u>
TỔNG CỘNG	<u>250.853.481</u>	<u>180.807.868</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, người mua trả tiền trước ngắn hạn bao gồm các khoản trả tiền trước của bên liên quan với số tiền là 116.561.964 ngàn VND (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	106.779.656	97.742.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.1)	15.508.329	15.450.074
Thuế thu nhập cá nhân	3.562.616	3.727.910
Các khoản khác	3.331.571	3.331.571
TỔNG CỘNG	129.182.172	120.251.709

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	107.073.676	112.196.446
Chi phí hoạt động	100.111	8.267.249
Các khoản khác	61.019.510	23.628.149
TỔNG CỘNG	168.193.297	144.091.844

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các công ty khác	1.205.882.350	1.625.718.749
Phải trả công nhân viên	133.323.909	-
Phải trả tiền lãi vay	584.074.252	1.020.275.337
Phải trả cổ tức	4.732.440	5.331.441
Phải trả tiền thuê đất	25.737.370	83.353.623
Phải trả ngắn hạn khác	388.106.305	99.998.488
TỔNG CỘNG	2.341.856.626	2.834.677.638

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan với số tiền là 1.767.779.094 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

23. VAY

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 23.1)	1.080.050.495	1.072.060.993
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	102.864.279	367.222.850
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	333.097.953	333.097.953
Vay ngắn hạn cá nhân và doanh nghiệp	69.180.300	69.180.300
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh 23.3)	297.473.438	297.091.268
TỔNG CỘNG	1.882.666.465	2.138.653.364

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 23.2)	5.389.611.144	6.156.217.638
Vay bên liên quan	9.994.453.647	9.984.239.708
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 23.3)	2.116.476.998	2.114.297.188
TỔNG CỘNG	17.500.541.789	18.254.754.534

<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	16.767.106.119	17.257.342.463
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	102.864.279	367.222.850
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả	333.097.953	333.097.953
Nợ dài hạn trái phiếu đến hạn trả	297.473.438	297.091.268

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Gia Lai	784.721.208	504.124.600
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt	133.433.596	350.471.619
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Cambodia	23.172.320	24.157.000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Gia Lai	138.237.371	192.510.774
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đắk Lắk	486.000	797.000
TỔNG CỘNG	1.080.050.495	1.072.060.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

23 VAY (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Định	656.536.354	1.234.037.156
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Gia Lai	1.678.987.216	1.863.885.606
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đồng Nai	879.068.994	879.445.535
Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt	1.022.114.070	1.022.006.111
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Sài Gòn	562.454.605	562.454.605
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Thủ Đức	335.000.000	335.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Cambodia	92.689.280	96.628.000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Gia Lai	99.800.000	99.800.000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Đắk Lắk	62.960.625	62.960.625
TỔNG CỘNG	5.389.611.144	6.156.217.638
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	5.286.746.865	5.788.994.788
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	102.864.279	367.222.850

23.3 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu thường trong nước vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ
Mệnh giá Trái phiếu phát hành năm 2015 ("Trái phiếu 1700")	1.700.000.000
Mệnh giá Trái phiếu phát hành năm 2016 ("Trái phiếu 457")	431.000.000
Chi phí phát hành	(14.523.002)
TỔNG CỘNG	2.116.476.998
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả:</i>	297.473.438

a. Trái phiếu 1700

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VNĐ) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

23. **VAY** (tiếp theo)

22.3 **Trái phiếu thường trong nước** (tiếp theo)

a. **Trái phiếu 1700** (tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("QDB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 10,9% - 11,6% một năm trong kỳ này. Trong đó Trái phiếu nắm giữ bởi VPB đã được gia hạn thời gian hoàn trả và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

b. **Trái phiếu 457**

Vào ngày 27/12/2016 và ngày 29/12/2016, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một (01) tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (03) tháng một (01) lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27/03/2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm bốn (04) và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng ba (3), sáu (6), chín (9) và mười hai (12) năm 2018. Lãi suất áp dụng cho ba (03) kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu.

Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 234.484.450 cổ phiếu của Công ty (HNG) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ), toàn bộ quyền thuê, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta tại huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.

23.4 **Các khoản vay bên liên quan**

	Ngân VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Công ty mẹ	9.570.285.647
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai – Bên liên quan	298.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai – Bên liên quan	126.168.000
TỔNG CỘNG	<u>9.994.453.647</u>

Trong đó:

Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả: 333.097.953

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn và tài trợ cho các dự án kinh doanh của nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền thuê đất phải trả	181.739.497	148.216.941
Phải trả về hợp tác kinh doanh	1.060.211.100	550.000.000
Phải trả lãi vay	-	247.882.752
Phải trả khác	3.096.928	363.328.723
TỔNG CỘNG	<u>1.245.047.525</u>	<u>1.309.428.416</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, phải trả dài hạn khác bao gồm khoản phải trả của bên liên quan là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Công ty mẹ với số tiền là 510.873.328 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

25. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

25.1 *Tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng VSCH và lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>
<i>Ngàn VNĐ</i>						
Năm trước						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	225.915.036	9.879.627.905
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	93.663.127	1.512.674	95.175.801
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông	590.000.000	1.062.000.000	-	-	-	1.652.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	154.179.135	-	-	154.179.135
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	7.671.438.950	1.064.550.810	597.327.489	2.220.237.882	227.427.710	11.780.982.841
Năm nay						
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	546.519.640	1.141.711.973	59.768.773	10.483.990.146
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.158.839	(8.853.530)	(1.694.691)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(21.473.716)	-	-	(21.473.716)
Cổ tức	-	-	-	-	(2.212.650)	(2.212.650)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	525.045.924	1.148.870.812	48.702.593	10.458.609.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	540.458.340	5.404.583.400	70,45	5.404.583.400
Cổ đông khác	226.685.555	2.266.855.550	29,55	2.266.855.550
TỔNG CỘNG	767.143.895	7.671.438.950	100	7.671.438.950

25.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25.4 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được xác định như sau:

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VNĐ)	7.158.839	93.663.127
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	767.143.895	767.143.895
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	9	132
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	8	110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	470.258.079	1.281.867.804	470.258.079	1.281.867.804
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán đường</i>	-	246.158.972	-	246.158.972
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	204.268.643	34.046.104	204.268.643	34.046.104
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.051.920	12.514.945	9.051.920	12.514.945
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	56.688.202	-	56.688.202	-
<i>Doanh thu căn hộ</i>	3.988.000	8.494.500	3.988.000	8.494.500
<i>Doanh thu bán bắp</i>	-	88.266.204	-	88.266.204
<i>Doanh thu bán bò</i>	196.261.314	892.387.079	196.261.314	892.387.079

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty khác	116.388.137	30.001.350	116.388.137	30.001.350
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.521.038	3.627.196	17.521.038	3.627.196
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.557.898	25.198.660	26.557.898	25.198.660
Các khoản khác	-	293.337	-	293.337
TỔNG CỘNG	160.467.073	59.120.543	160.467.073	59.120.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	-	205.988.673	-	205.988.673
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	132.229.919	7.508.618	132.229.919	7.508.618
Giá vốn dịch vụ cung cấp	9.204.521	9.076.118	9.204.521	9.076.118
Giá vốn bán mũ cao su	41.347.840	-	41.347.840	-
Giá vốn căn hộ	4.112.711	8.772.311	4.112.711	8.772.311
Giá vốn bán bắp	-	43.396.762	-	43.396.762
Giá vốn bán bò	200.127.301	772.960.130	200.127.301	772.960.130
TỔNG CỘNG	387.022.292	1.047.702.612	387.022.292	1.047.702.612

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	181.240.729	102.195.569	181.240.729	102.195.569
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	50.947.309	-	50.947.309
Các khoản khác	2.925.864	1.171.652	2.925.864	1.171.652
TỔNG CỘNG	184.166.593	154.314.530	184.166.593	154.314.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	45.476.398	29.419.286	45.476.398	29.419.286
Thu thanh lý tài sản	44.170.668	28.584.705	44.170.668	28.584.705
Các khoản khác	1.305.730	834.581	1.305.730	834.581
Chi phí khác	(6.961.194)	(8.287.594)	(6.961.194)	(8.287.594)
Các khoản phạt	(117.223)	-	(117.223)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(3.675.690)	-	(3.675.690)	-
Các khoản khác	(3.168.281)	(8.287.594)	(3.168.281)	(8.287.594)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	38.515.204	21.131.692	38.515.204	21.131.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Nhóm Công ty tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.311	839.554
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-	12.255.785
TỔNG CỘNG	16.311	13.095.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2017

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.093.081	108.271.140
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	7.489.626	46.978.405
Tiền phạt	117.223	-
Doanh thu nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	22.710.439	30.360.441
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	3.675.690	320.747
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	55.674.475	10.834.366
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Doanh thu của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(112.449.970)	(223.221.933)
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ kỳ này	-	(971.024)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.827.151	32.000.844
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	4.137.715	4.572.986
Lợi nhuận tính thuế	4.137.715	-
Lỗ tính thuế	(7.489.626)	-
Lỗ các năm trước được cần trừ	(4.056.163)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	81.552	4.572.986
Thuế TNDN ước tính theo mức thuế suất 20%	16.311	839.554
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	16.311	839.554
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	15.508.329	556.904
Thuế TNDN phải trả của công ty con mới mua về	-	9.921.038
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(16.311)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	15.508.329	11.317.496
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	15.508.329	12.318.721
Thuế TNDN phải thu	-	(1.001.225)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Quý I năm 2017</i>	<i>Quý I năm 2016</i>
	<i>Ngàn VNĐ</i>			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	38.764.262	38.630.439	-	6.072.088
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	6.400.169	-	(18.327.873)
	38.764.262	45.030.608		
 Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			-	12.255.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các chi nhánh	Công ty mẹ và các bên liên quan	Vay và mượn	160.721.000
		Chi phí lãi vay	128.462.317
		Mua tài sản	1.917.174
		Mua vật tư	31.754.911
		Mua hàng hóa	846.698
		Bán hàng hóa và dịch vụ	3.641.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	13.480.375
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.804.961
		Lãi cho vay	1.539.667
		Mua nguyên liệu vật tư	29.655.892
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Lãi cho vay	916.349
		Mua hàng hóa	82.652.223
		Bán tài sản	647.155
		Bán hàng hóa	32.829.583
		Mua nguyên liệu vật tư	7.452.699

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	127.714.573
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.564.350
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.204.781
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	111.692.542
Chi nhánh chế biến Hoa quả Công ty Cổ phần HAGL	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.560
Công ty Thủy điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	45.912
Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.263
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	500.356
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai- Kon Tum	Bên liên quan	Bán hàng hóa	25.822
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Bên liên quan	Bán hàng hóa	14.225
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	332.583.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</i>			
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Bên liên quan	Bán hàng hóa	8.517.455
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.298.445
Công ty TNHH MTV PTNN Thăng Long	Bên liên quan	Bán hàng hóa	84.632
TỔNG CỘNG			<u>600.651.548</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	62.228.159
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	713.002.392
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	631.292.792
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng thi công xây dựng	198.066.420
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	3.871.106
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	10.860.690
TỔNG CỘNG			<u>1.619.321.559</u>
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH MTV PTNN Thăng Long	Bên liên quan	Cho vay	163.997.951
Công ty V&H	Bên liên quan	Cho vay	4.977.063
TỔNG CỘNG			<u>168.975.014</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi trả hộ	317.534.731
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	71.586.513
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	109.017.320
Công ty TNHH MTV PTNN Thăng Long	Bên liên quan		3.991.418
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thăng	Bên liên quan		209.646.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn tiền	900.000
TỔNG CỘNG			<u>712.676.775</u>

Phải thu cho vay dài hạn

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	1.150.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay	<u>573.691.667</u>
TỔNG CỘNG			<u>1.723.691.667</u>

Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	31.487.500
Công ty TNHH MTV PTNN Thăng Long	Bên liên quan	Mượn tiền	295.495.592
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mượn và lãi vay	<u>161.425.795</u>
TỔNG CỘNG			<u>488.408.887</u>

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	278.629.135
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	29.174.946
Chi nhánh Cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Thi công xây dựng	8.141.200
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	968.532
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua máy móc thiết bị	56.086.303
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thăng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	71.353.174
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Bên liên quan	Làm đường	521.798
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.657.309
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>416.900</u>
TỔNG CỘNG			<u>446.949.297</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2017

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 như sau (tiếp theo)

Khách hàng ứng tiền trước

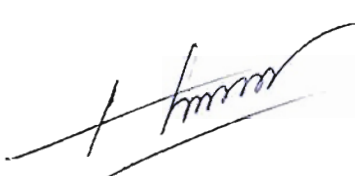
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước tiền mua vật tư	21.913.060
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Bên liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	94.628.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa	20.904
TỔNG CỘNG			116.561.964

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và lãi vay	850.686.867
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	753.503
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	154.271
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.452.006
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	405.480.881
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	1.930.499
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Hoàng Anh Gia Lai – Bangkok	Bên liên quan	Mượn tiền	2.453.422
Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mua cây giống	7.069.334
Công ty TNHH Điện Nậm Kóng 3	Bên liên quan	Mượn tiền	247.500
Chi nhánh nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	497.508.411
	Bên liên quan	Các khoản khác	42.400
TỔNG CỘNG			1.767.779.094

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Nguyễn Thị Hải Yến
 Người lập

Ngày 19 tháng 05 năm 2017



Hồ Thị Tuyết Loan
 Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
 Giám đốc